

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2019/HS-ST**.
Ngày: 22 - 4 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lắm.

2. Bà Bùi Thị Luyến.

Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/TLST-HS, ngày 11 tháng 3 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đ**, sinh năm 1994 tại Tây Ninh; Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện Đ, tỉnh B; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T, sinh năm 1955 và bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1955; Vợ: Trần Thị T, sinh năm 1994 (đã ly hôn); con: Nguyễn Ngọc Yên N, sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không. Quá trình nhân thân: Ngày 13/5/2015 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xử phạt 09 tháng tù, về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, ngày 02/7/2015 chấp hành xong hình phạt, về lại địa phương (đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt ngày 12/01/2019, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T cho đến nay. Có mặt.

Bị hại:

1. Chị Lê Phần M, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn 1, xã G, huyện T, tỉnh B. Có mặt.
2. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn 3, xã G, huyện T, tỉnh B. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Đỗ Văn T, sinh năm 1999; Địa chỉ: Tổ 9, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Vắng mặt.
- Nguyễn Hữu T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu phố 10, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh B. Vắng mặt.
- Nguyễn Văn L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 3, ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.
- Huỳnh Văn S, sinh năm 2003; Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ. Vắng mặt.
- Phan Thị N, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ 9, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Vắng mặt.
- Nguyễn C, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện Đ, tỉnh B. Có mặt.

Người làm chứng:

- Vũ Thị M, sinh năm 1986; Địa chỉ: Lô 6, ấp 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ. Vắng mặt.
- Phan Văn T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 10, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh B. Vắng mặt.
- Huỳnh Quốc B, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo cáo trạng số 06/CT-VKSND-TL, ngày 07/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 10/01/2019, Nguyễn Đ cùng Nguyễn Hữu T và H ở Đ cùng sử dụng ma túy tại nhà H. Sau khi sử dụng ma túy xong, T điều khiển xe mô tô đi cạo mủ cao su cho ông Th ở thôn 1, xã G, huyện T thì Đ xin đi nhờ xe của T về nhà Đ. Khi đến nhà Đ thấy nhà đã đóng cửa nên đi theo T đến rẫy ông Th, khi đến rẫy ông Th thì T đi cạo mủ cao su; còn Đ đi bộ ra đường nhựa và đi về hướng kênh tiếp nước B, thuộc thôn 1, xã G, huyện T. Nguyễn Đ đi bộ được khoảng hơn 1 km thì đi vào rẫy cao su của anh Nguyễn Văn L nằm bên trái đường. Lúc này, khoảng 04 giờ 00 phút cùng ngày, Đ thấy có 01 chiếc xe Ware màu xanh đang dừng trong rẫy cao su của anh L nên Đ đi lại và dùng đoạn cây củi cao su mục nhét vào ống pô xe của L. Sau đó, Đ phát hiện có một cái mũ lưỡi trai để trên yên xe, bên trong có 01 điện thoại di động hiệu GIGI màu xanh-đen của anh L thì Đ lấy trộm chiếc điện thoại. Sau khi lấy trộm điện thoại, Đ tiếp tục

đi bộ trong lô cao su. Đến khoảng 5 giờ 00 phút cùng ngày, Đ phát hiện xe mô tô biển số 86B7-321.74 của chị Lê Phấn M đang để trong lô cao su. Đ nảy sinh ý định trộm cắp nên Đ đi đến nơi để xe thì thấy chìa khóa để trên xe và có 01 cái áo khoác màu đen để trên đầu xe. Đ lấy áo khoác bỏ xuống đất, rồi dắt bộ xe mô tô biển số 86B7-321.74 đi về hướng S được khoảng 5m thì Đ nổ máy và điều khiển xe mô tô chạy về hướng xã T, huyện Đ. Khi đến xã Đ, huyện Đ thì ghé vào cây xăng đổ xăng, rồi Đ điều khiển xe mô tô chạy đến nhà Đỗ Văn T ở ấp H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Tại nhà T, Đ nói xe mô tô Đ đang sử dụng là xe Đ vừa lấy trộm được ở B và nhờ T tìm người bán xe dùm. Thấy T không có điện thoại nên Đ đã cho T chiếc điện thoại di động hiệu GIGI màu xanh-đen mà Đ đã trộm cắp tại xã G, huyện T. Sau đó, T dẫn Đ đi qua nhà Huỳnh Văn S ở ấp 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ để tìm người bán xe. Tại nhà của S, Đ đưa cho S 300.000 đồng để S đi mua ma túy về cùng sử dụng. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, Đ tiếp tục nhờ T tìm người để bán xe thì T lấy xe mô tô biển số 86B7-321.74 chạy đến nhà Phan Văn N ở ấp 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ để bán xe nhưng N không mua. T quay về lại nhà S và nói với Đ: “Không bán được”. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, do xe mô tô 86B7-321.74 không nổ máy được nên Đ đưa cho T 100.000 đồng và nhờ đi sửa xe dùm. T lấy tiền đưa xe đi thay than đề của xe. Sau đó, T tiếp tục chở Đ đến nhà Nguyễn Văn L ở ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ để bán xe nhưng L không mua, nên T và Đ quay về lại nhà T. Tại đây, Đ lấy dụng cụ tháo biển số xe 86B7- 321.74 và gương chiếu hậu của xe rồi để lại biển số xe, gương chiếu hậu tại nhà T. Đến khoảng 17 giờ ngày 10/01/2019, T và Đ sử dụng xe mô tô biển số 86B7-321.74 chạy về lại huyện Đ, tỉnh B; cả hai đến nhà H chơi và tiếp tục sử dụng ma túy. Đến 23 giờ 00 phút cùng ngày Đ chạy về nhà lấy biển số xe 60M9-8371 (đã nhặt được trước đó, để ở nhà Đ), đem về nhà H gắn vào xe mô tô biển số 86B7-321.74. Đến 18 giờ 00 phút ngày 11/01/2019, Đ và T đang ở nhà H thì Công an huyện T phối hợp với Công an huyện Đ mời Đ và T về Công an huyện T làm việc. Nguyễn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên của mình.

Bản kết luận định giá tài sản số 02 ngày 12/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Chiếc xe mô tô hiệu SYM màu đen-xanh, biển số 86B7-321.74 trị giá 8.666.667 đồng và Bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 12/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Chiếc điện thoại di động hiệu GIGI, 02 sim, màu xanh-đen trị giá 50.000 đồng.

Với hành vi như trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh, điều luật và mức hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Đ với mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, bị hại Lê Phấn M đã nhận được số tiền bồi thường, khắc phục 2.000.000 đồng từ gia đình bị cáo Đ; anh Nguyễn Văn L cũng đã nhận lại điện thoại bị mất. Tại phiên Tòa chị M và anh L không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường dân sự.

- Về vật chứng:

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 biển số 60M9-8371; 04 mảnh tem gián xe mô tô, ký hiệu Racing-Sport, màu xanh - đen, viền trắng; là vật chứng không có giá trị sử dụng hiện đang thu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

+ Trả lại cho Nguyễn Đ 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đỏ-đen; 01 đèn pin, loại đội đầu màu đen. Toàn bộ vật chứng này đã chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về hành vi của Đỗ Văn T trong vụ án: Đối với hành vi của Đỗ Văn T, có biết chiếc xe mô tô biển số 86B7-321.74 là xe Nguyễn Đ trộm cắp tại B, nhưng khi Nguyễn Đ vào nhà nhờ Th tìm người bán xe nhưng bán không được. Đỗ Văn T cũng không có hành vi giúp Nguyễn Đ cất giữ, che giấu chiếc xe mô tô nêu trên. Do đó hành vi của Đỗ Văn T chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Đ: Bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của bị hại Lê Phấn M: Không có ý kiến tranh luận.

Ý kiến của bị hại Nguyễn Văn L: Không có ý kiến tranh luận.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn C: Không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa; bị cáo, bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên Tòa, bị cáo Nguyễn Đ đã khai nhận vào khoảng hơn 4h00' ngày 10/01/2019, tại vườn cao su thuộc thôn 1, xã G, huyện T; bị cáo Đ đã có hành vi lén lút trộm cắp của anh Nguyễn Văn L 01 điện thoại di động hiệu GIGI màu xanh-đen, trị giá **50.000 đồng** và đến khoảng 5h00 cùng ngày, bị cáo tiếp tục có hành vi trộm cắp của chị Lê Phấn M chiếc xe mô tô hiệu SYM màu đen-xanh, biển số 86B7-321.74, trị giá **8.666.667 đồng**. Tổng giá trị tài sản bị cáo Đ đã trộm cắp là

8.716.667 đồng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Đ đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017) theo như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Nguyễn Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo có quá trình nhân thân xấu. Bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xử phạt 09 tháng tù, về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, ngày 02/7/2015 chấp hành xong hình phạt, về lại địa phương nhưng không tự cải tạo bản thân mà còn tiếp tục có hành vi phạm tội. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo nghiêm minh theo quy định của pháp luật; cách ly bị cáo một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên Tòa, bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; quá trình điều tra, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho chị Lê Phấn M. Tại phiên Tòa, chị M xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, khi quyết định hình phạt, cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017) là phù hợp với tính khoan hồng của pháp luật hình sự Việt Nam.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Trong quá trình điều tra, bị hại Lê Phấn M yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền 2.000.000 đồng do xe mô tô biển số 86B7-321.74 đã bị bị cáo Đ thay đổi một số chi tiết; gia đình bị cáo Đ đã tự nguyện bồi thường và chị M đã nhận được số tiền 2.000.000 đồng bồi thường, khắc phục. Anh L cũng đã nhận lại được tài sản bị mất là chiếc điện thoại di động, không phát sinh thiệt hại gì khác. Tại phiên Tòa hôm nay, chị M và anh L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự trong vụ án này.

[5] *Về vật chứng trong vụ án:* Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T đã thu giữ và trả lại cho chị M 01 chiếc xe mô tô hiệu SYM, số loại Galaxy, màu đen-xanh, biển số 86B7-321.74; 01 chìa khóa xe mô tô biển số 86B7-321.74; 01 gương chiếu hậu xe mô tô biển số 86B7-321.74, bị bể kính; 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Phấn M; 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Lê Phấn M; 01 sổ hộ khẩu mang tên Lê Phấn M; 01 sổ vay vốn mang tên Lê Phấn M và một số giấy tờ khác mang tên Lê Phấn M và trả lại cho anh L điện thoại di động hiệu GIGI màu xanh-đen. Các bị hại không có ý kiến, yêu cầu gì về vật chứng đã trả lại nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Đối với các vật chứng: 01 biển số 60M9-8371; 04 mảnh tem dán xe mô tô, có ký hiệu Racing-Sport, màu xanh-đen, viền trắng; là vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Riêng các vật chứng là 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đỏ-đen; 01 đèn pin, loại đội đầu màu đen đã tịch thu của bị cáo Đ thì cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án là phù hợp.

[6] *Về các vấn đề khác:*

Đối với hành vi chứa chấp và nhận mang tài sản mà bị cáo Đ trộm cắp được mà có để đi tiêu thụ của Đỗ Văn T thì Hội đồng xét xử nhận thấy T có biết chiếc xe mô tô biển số 86B7-321.74 là xe bị cáo Đ trộm cắp tại B nhưng khi Đ vào nhà nhờ T đi tìm người bán xe mô tô 86B7-321.74 thì không bán được. Đỗ Văn T cũng không hứa hẹn hoặc có hành vi giúp bị cáo Đ cất giữ, che giấu chiếc xe mô tô đã trộm cắp. Do đó hành vi của Đỗ Văn T chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng bồi thường thiệt hại do anh Nguyễn C, là anh trai của bị cáo Đ đã tự nguyện giao nộp để bồi thường cho chị Lê Phấn M thì tại phiên Tòa, anh C không có yêu cầu gì đối với bị cáo về số tiền này nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[7] Về án phí: Cần buộc bị cáo Nguyễn Đ phải nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đ **09 (chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 12/01/2019.

Về vật chứng:

Căn cứ điểm c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 biển số 60M9-8371; 04 mảnh tem dán xe mô tô, có ký hiệu Racing-Sport, màu xanh - đen, viền trắng.

Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Đ 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đỏ-đen; 01 đèn pin, loại đèn đầu màu đen đã tịch thu của bị cáo. Tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ những tài sản này để đảm bảo thi hành án.

(Tất cả những vật chứng, tài sản nêu trên hiện đang thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/3/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T với Chi cục thi hành án dân sự huyện T).

Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo, những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/4/2019. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh B;
- CQCSĐT C.A huyện;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện;
- Nhà tạm giữ - CA huyện;
- UBND xã T (Thay t/b);
- Sở TP T. B;
- C.C T.H.A DS (khi án có HLPL);
- Lưu án văn, HSVA;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ